

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10 – 7 – 2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Lâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Văn Thái.

2. Ông Nguyễn Văn Tân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Quách Văn Diên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Niêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Lệ T, sinh năm 1980; địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1979; địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Phạm Thị Lệ T trình bày:*

Vào năm 1996, bà Phạm Thị Lệ T và ông Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống với nhau và đã đăng ký kết hôn vào ngày 16-11-2015 tại Ủy ban nhân dân Phường B1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 04 người con chung là Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 03-03-1997; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 01-9-2000; Nguyễn Văn Chí T2, sinh ngày 20-12-2005; Nguyễn Chí B, sinh ngày 06-3-2014. Do vợ chồng sống chung với nhau không cùng quan điểm, ông M hay gây mâu thuẫn và đánh đập vợ, nay đã sống với người

khác không còn quan tâm đến vợ con nên thực tế vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Nay bà Phạm Thị Lệ T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn M;

- Về con chung: Yêu cầu giao con chung là Nguyễn Chí B và Nguyễn Văn Chí T2 cho bà Phạm Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Nguyễn Văn M phải cấp dưỡng cho con. Đối với Nguyễn Thị Bích T1 và Nguyễn Thị Ngọc L đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ, chồng khi ly hôn: Các bên tự thỏa thuận, nguyên đơn không yêu cầu xem xét, giải quyết.

*Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn M:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phía bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 04-04-2023, cháu Nguyễn Chí B trình bày:* Cháu đang sống chung với mẹ là Phạm Thị Lệ T, đang học lớp 1, Trường Tiểu học Đ (huyện T, tỉnh Đồng Nai). Cháu biết việc cha mẹ ly hôn với nhau cho nên cháu có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ. Đây là nguyện vọng của riêng cháu, không có ai lừa dối hay ép buộc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập chứng cứ xác định được anh Nguyễn Văn Chí T2, sinh ngày 20-12-2005 là con chung của bà Phạm Thị Lệ T và ông Nguyễn Văn M, hiện đang chấp hành án về tội “Cướp giật tài sản” tại P, Trại giam L1 (tỉnh Long An), ngày bắt 12-7-2022, mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù giam. Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2022/HS-ST ngày 29-3-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xác định bà Phạm Thị Lệ T là đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn Chí T2 tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm. Sở gặp phạm nhân và gửi tiền lưu ký của phạm nhân Nguyễn Văn Chí T2 thể hiện có các thân nhân là mẹ ruột Phạm Thị Lệ T, các chị ruột Nguyễn Thị Bích T1, Nguyễn Thị Ngọc L thường xuyên thăm gặp phạm nhân và gửi tiền lưu ký.

*Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.*

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn, giao con chung là Nguyễn Chí B và Nguyễn Văn Chí T2 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Phạm Thị Lệ T yêu cầu được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn M, cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; yêu cầu giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và bị đơn không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng sau khi ly hôn, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn Phạm Thị Lệ T và bị đơn Nguyễn Văn M đã tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1996 và đã đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân Phường B1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 16-11-2015 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về căn cứ ly hôn: Theo nguyên đơn trình bày, do cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn với nhau. Mặc dù chưa có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho ly hôn nhưng trên thực tế bà T và ông M đã ly thân từ năm 2017; nghĩa là mỗi người đã ở một nơi và đều ổn định cuộc sống riêng của mình. Điều này cho thấy tình nghĩa vợ chồng đã không còn do họ không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp có vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay một bên khởi kiện yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử giải quyết cho họ được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Bà T và ông M có 04 con chung. Trong đó, Nguyễn Thị Bích T1 và Nguyễn Thị Ngọc L đã trưởng thành, có gia đình riêng và không thuộc các trường hợp khác quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này. Cháu Nguyễn Chí B, sinh ngày 06-3-2014, hiện đang sống chung với nguyên đơn, tình cảm đang gắn bó với nguyên đơn và điều kiện sống, học tập được đảm bảo. Sau khi cha mẹ ly hôn, cháu B có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ. Anh Nguyễn Văn Chí T2, sinh ngày 20-12-2005, đến ngày xét xử là gần đủ 18 tuổi (17 tuổi 06 tháng 20 ngày) nhưng hiện đang chấp hành án phạt tù. Theo sổ gặp phạm nhân và gửi tiền lưu ký của phạm nhân Nguyễn Văn Chí T2 thể hiện trong suốt quá trình anh T2 chấp hành án thì bà T1 là người trực tiếp thăm gặp và gửi tiền lưu ký cho anh T2. Đồng thời, bà T1 cũng là người đại

diện hợp pháp cho anh T2 khi tham gia tổ tụng, xác lập các thủ tục hành chính, tư pháp khác. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao 02 con chung là Nguyễn Chí B và Nguyễn Văn Chí T2 cho nguyên đơn Phạm Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Văn M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[7] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Lệ T.**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Lệ T và ông Nguyễn Văn M được ly hôn.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cháu Nguyễn Chí B, sinh ngày 06-3-2014 và anh Nguyễn Văn Chí T2, sinh ngày 20-12-2005 cho bà Phạm Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Phạm Thị Lệ T về việc không yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Phạm Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0006407 ngày 20-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- UBND Phường 2, thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Lâm**